TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2031 /2023/HNGĐ – ST.
Ngày: 22/6/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn.

2. Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2067/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2803/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T – sinh năm: 1994.
Địa chỉ: , huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Ông Đoàn Văn B – sinh năm: 1985.
Địa chỉ: , thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Bà T xin vắng mặt, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà Đoàn Thị T và ông Đoàn Văn B tìm hiểu với nhau từ năm 2014 đến năm 2015 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2015 ngày 27/11/2015.

Cuộc sống chung hạnh phúc được 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B thường xuyên coi thường vợ và không tôn

trọng gia đình nhà vợ, đến năm 2019 cuộc sống chung vợ chồng trở nên căng thẳng vì ông B không chí thú làm ăn, thường xuyên rượu chè và có lời lẽ xúc phạm bà T. Mặc dù bà T cố gắng chịu đựng và nhẫn nhịn nhưng ông B vẫn không thay đổi. Hiện nay đôi bên đã sống ly thân. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T trình bày giữa bà và ông B không có con chung.

Về tài sản chung: Bà T trình bày giữa bà và ông B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà T trình bày giữa bà và ông B không có nợ chung.

Bị đơn ông Đoàn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng ông B đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông B đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do ông B vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, có vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đoàn Văn B. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đoàn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T và ông Đoàn Văn B tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2015 ngày 27/11/2015 . Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn B. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời khai của bà T, cuộc sống chung ít hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì trầm trọng. Nguyên nhân là do ông B không chí thú làm ăn, thường xuyên gây sự, rượu chè và xúc phạm bà T và không tôn trọng gia đình bà T. Mặc dù bà T cố gắng chịu đựng và nhẫn nhịn nhưng ông B vẫn không thay đổi. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét: Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng thương yêu, quý trọng và cùng có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ khi bà T nộp đơn khởi kiện ly hôn, ông B cũng không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông B đến Tòa án để giải quyết nhưng ông B đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án. Cho thấy ông B không có biện pháp tích cực để đoàn tụ, hàn gắn, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa ông B với bà T. Xét, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T phải chịu án phí 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Đoàn Thị T đối với ông Đoàn Văn B. Cho bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Đoàn Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 27/11/2015 cho bà Đoàn Thị T và ông Đoàn Văn B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và được cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0008121 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tâm